

Số/No.: 16/2023/CV-MAFM

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2023  
Hanoi, day 05 month 01 year 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU  
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT AFTER  
EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM  
To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company*: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
  - Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
  - Tên Quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF MAFM VN30
  - Mã chứng khoán/ *Securities symbols*: FUEMAV30
  - Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: 04/01/2023
  - Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF /*Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates*
- Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Component Securities and Cash Component*:

STT <i>Order</i>	Mã chứng khoán <i>Securities symbol</i>	Số lượng <i>Volume</i>	Tỷ lệ % trong danh mục <i>Weighting</i>
I.	Chứng khoán/ <i>Stock</i>		
1	ACB	3,500	6.5%
2	BID	200	0.7%
3	BVH	100	0.4%
4	CTG	900	2.0%
5	FPT	1,200	7.8%
6	GAS	100	0.9%
7	GVR	200	0.2%
8	HDB	2,100	2.8%
9	HPG	3,900	6.1%
10	KDH	500	1.1%
11	MBB	3,100	4.5%
12	MSN	800	6.2%
13	MWG	1,400	5.0%
14	NVL	900	1.1%
15	PDR	300	0.4%
16	PLX	100	0.3%
17	POW	500	0.4%
18	SAB	100	1.4%
19	SSI	1,200	1.8%
20	STB	2,300	4.4%
21	TCB	2,800	6.2%
22	TPB	1,000	1.8%
23	VCB	700	4.7%
24	VHM	1,300	5.2%
25	VIB	1,400	2.3%
26	VIC	1,200	5.5%
27	VJC	300	2.7%
28	VNM	1,000	6.4%
29	VPB	5,400	8.1%
30	VRE	1,100	2.5%
II.	Tiền / <i>Cash (VND)</i>	7,060,313	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and one lot of ETF in value*:
  - + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value*: 1,224,575,000 VND
  - + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF*: 1,231,635,313 VND
  - + Giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Spread in value*: 7,060,313 VND
  - + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Plan to reduce the spread*:
    - Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *For creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*
    - Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *For redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*



- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ *In case, stock can be replaced by cash, state reason:*

STT No	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 cp (VND) Substitution cash per securities (VND)	Đối tượng áp dụng Applied to	Lý do Reason
1	ACB	22,700	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	41,200	BSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo khoản 4(a) điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC / Restriction of ownership by Clause 4(a) Article 28 Circular 121/2020/TTBTC
3	BVH	47,700	BVSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo khoản 4(a) điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC / Restriction of ownership by Clause 4(a) Article 28 Circular 121/2020/TTBTC
4	FPT	80,000	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
5	HDB	16,500	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
6	MBB	18,000	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
7	MWG	43,950	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
8	TCB	27,450	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
9	TPB	21,900	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
10	VIB	19,900	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	18,500	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)

*State if component securities shall have corporate action:*

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ *Other informations:*

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 04/01/2023	Kỳ trước/Last period (**) 03/01/2023	Chênh lệch/ Difference
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation Units were issued</i>	-	-	-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation Units were redeemed</i>	-	-	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Issued shares</i>	28,100,000	28,100,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/chứng chỉ quỹ)/ <i>Closing price</i>	12,400	12,340	60
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net Asset Value at Valuation Date</i>			
- của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	346,089,523,026	332,208,679,261	13,880,843,765
- của 1 lô CCQ ETF/ <i>per ETF Creation Unit</i>	1,231,635,313	1,182,237,293	49,398,020
- của 1 CCQ/ <i>per share</i>	12,316.35	11,822.37	493.98
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	1,050.15	1,047.25	2.90

(\*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 03/01/2023

(\*\*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 02/01/2023

Chủ tịch công ty kiêm đại diện pháp luật

*Chairman and legal representative*

